

Bản án số: 97/2024/DS - ST

Ngày: 23 - 9 - 2024.

“V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán và đòi lại tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Kim Triều

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Minh Sơn

2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2023/TLST – DS, ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và đòi lại tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 323/2024/QĐXXST- DS ngày 16 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/TB-TA, ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ.** (gọi tắt là Công ty TNHH Đ)

Trụ sở: Tầng A tòa nhà M, B N, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Diệu O, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số I, khóm A, phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Quốc lộ F, khóm F, phường H; thành phố T, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 6 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty TNHH Đ đại diện bà Huỳnh Thị Diệu O trình bày: Công ty TNHH Đ, bánh kẹo.... phương thức kinh doanh đối với các sản phẩm là kem, Công ty giao cho khách hàng mượn các tủ chứa đông lạnh, sau đó Công ty sẽ phân phối các sản phẩm kem cho các khách hàng tiến hành bán lẻ. Trong quá trình kinh doanh Công ty có biết ông Lê Văn T và ông T có đặt vấn đề với Công ty muốn kinh doanh. Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất nội dung Công ty sẽ cho ông T mượn một số tủ chứa và tiến hành phân phối kem cho ông T bán, đến ngày 03/6/2021 hai bên tiến hành bàn giao tủ, khi bàn giao tủ hai bên có ký “*biên bản bàn giao tủ kem*” ông T có ký xác nhận có nhận tủ, sau khi nhận tủ ông T có nhận kem của Công ty đến ngày 22/10/2022 thì ông T ngưng

không nhập hàng nữa. Tính đến hôm nay ông T còn nợ Công ty số tủ chứa gồm:

- Loại tủ VH - 8699HY; hiệu Sanaky; kích thước: Tủ chứa 860L; số lượng: 09 cái; giá trị tài sản ban đầu 100.705.500 đồng - giá trị tài sản còn lại/cái: 2.500.000 đồng x 9 = 22.500.000 đồng.

- Loại tủ VH - 3899K; hiệu Sanaky; Kích thước: tủ 1m; số lượng: 31 cái; giá trị tài sản ban đầu 222.425.000 đồng – giá trị tài sản còn lại/cái: 1.500.000 đồng x 31 cái = 46.500.000 đồng.

- Loại tủ VH- 4899K; hiệu Sanaky; kích thước: 1,2m; số lượng 34 cái, giá trị tài sản ban đầu 252.518.000 đồng – giá trị tài sản còn lại 1.500.000 đồng x 34 cái = 51.000.000 đồng.

Tổng cộng 74 cái tủ với số tiền là: 120.000.000 đồng; Ngoài ra trong quá trình kinh doanh ông T còn nợ Công ty tiền mua tủ kem trả góp là 32.720.000 đồng, tiền hàng là số kem đã nhập về để bán còn nợ lại là 8.902.000 đồng và hai bên thống nhất trừ tiền thưởng doanh số là 5.031.000 đồng vào tiền kem còn thiếu, nên tiền kem ông T còn nợ lại là 3.871.000 đồng.

Tuy nhiên theo biên bản định giá tài sản ngày 15/8/2024 giá trị tài sản còn lại của 74 cái tủ mà ông T đã mượn của Công ty thì tổng giá trị còn lại là 111.167.859 đồng, nên Công ty điều chỉnh, thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông T có trách nhiệm trả số tiền tương ứng 74 cái tủ đồng là 111.167.859 đồng và tiền mua tủ kem trả góp là 32.720.000 đồng, tiền kem ông T còn nợ lại là 3.871.000 đồng. Tổng số tiền ông Lê Văn T phải thanh toán cho Công ty TNHH Đ là 147.758.859 đồng.

- Bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt nên không cung cấp chứng cứ và cũng không có lời trình bày.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa xác minh thu thập thêm chứng cứ làm rõ ông Lê Văn T là ai và địa chỉ cụ thể ở đâu, yêu cầu tra cứu thông tin số điện thoại 0973999146 – 0968989198 – 0389987698 có phải của ông T dùng để đặt hàng hay không.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ và vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày của đương sự và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn tại số C, đường T, ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, nhưng Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng không được cho ông Lê Văn T và tại kết quả cung cấp thông tin của Công an xã L thì hiện nay ông T không có đăng ký hộ khẩu thường trú và tạm trú tại địa chỉ nêu trên và cũng không có mặt tại địa phương trên địa bàn xã L và cũng không có đại lý kem B do ông Lê Văn T làm chủ đại lý, Qua làm việc với Nguyên đơn cho rằng trước đây ông T kinh doanh kem tại địa chỉ Quốc lộ F, khóm F, phường H, thành phố T, tỉnh Trà Vinh nhiều lần nhân viên của Công ty đến địa chỉ trên để yêu cầu ông T thanh toán nợ nhưng không gặp, nhân viên báo là ông T có thuê nhà ở địa chỉ số C, đường T, xã L, thành phố T, tuy nhiên Tòa án tổng đạt văn bản cho ông T không được, Do khi bị đơn chuyển đi nơi khác không có thông báo cho nguyên đơn biết, cũng như không cung cấp địa chỉ mới của bị đơn cho nguyên đơn biết, do đó nguyên đơn yêu cầu Tòa án căn cứ vào địa chỉ của bị đơn cung cấp cho nguyên đơn trước đây tại địa chỉ: Quốc lộ F, khóm F, phường H, thành phố T, tỉnh Trà Vinh để tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Lê Văn T làm cơ sở giải quyết vụ án.

Xét thấy tại biên bản bàn giao tủ kem, biên bản xác nhận công nợ hai bên có lập thành văn bản và bị đơn ông Lê Văn T có cung cấp địa chỉ nơi cư trú của bị ông Lê Ngọc T1 tại khóm F, phường H; thành phố T, tỉnh Trà Vinh, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản giấy triệu tập cho ông T1 tại địa chỉ mà đương sự đã cung cấp trong hợp đồng, nhưng không tổng đạt được lý do ông T1 vắng mặt. Qua xác minh Công an phường H, thành phố T cho biết ông T1 không có đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú và cũng không có mặt tại địa phương. Do đó xem như khi rời khỏi địa phương ông T1 không có cung cấp địa chỉ nào khác cho phía nguyên đơn biết và cũng không báo chính quyền địa phương, xem như đương sự cố tình giấu địa chỉ, căn cứ vào Nghị quyết 04/2017 ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T1 là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: theo tài liệu chứng cứ mà Công ty TNHH Đ cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình được thể hiện là ngày 03/6/2021 Công ty TNHH Đ với ông Lê Văn T có lập biên bản bàn giao tủ kem để đối chiếu việc trước đây Công ty TNHH Đ có cho ông T mượn tủ kem và tính đến ngày 03/6/2021 thì ông T còn nợ lại Công ty TNHH Đ gồm:

- 09 cái tủ chứa loại VH-8699HY, hiệu SANAKY – kích thước 860L
- 31 cái tủ loại VH- 3899K, hiệu SANAKY – kích thước 1m.
- 34 cái tủ loại VH- 4899K, hiệu SANAKY – kích thước 1,2m

Xét thấy tại biên bản bàn giao tủ kem lập ngày 03/6/2021 là văn bản do Công ty TNHH Đ ban hành soạn sẵn bằng hình thức đánh máy vi tính để hai bên xem và ký tên xác nhận. Tuy nhiên khi xem xét văn bản trên thì đại diện đại lý là ông Lê Văn T có ký tên xác nhận vào văn bản, phía bên trái ông Lê Văn T có ghi bằng viết bi “ *Đại lý anh Thảo Trà V thực tế nhận có 10 cái tủ chứa (Mười cái tủ chứa), tức là tủ VH-8699HY*” mà không có ý kiến đối với các tài sản khác còn lại được phía nguyên đơn liệt kê trong

biên bản bàn giao, tức là biên bản bàn giao thực tế ông T chỉ thừa nhận là có nhận 10 cái tủ chứa, ngoài ra không còn thừa nhận tài sản nào khác. Do đó việc Công ty TNHH Đ cho rằng biên bản do phía nguyên đơn lập theo số liệu quản lý của Công ty. Khi bàn giao nguyên đơn và bị đơn đối chiếu lại số liệu có chênh lệch về số lượng tủ chứa nên ông T có ghi thêm nội dung: “Đại lý anh Thảo Trà V thực tế nhận có 10 cái tủ chứa (Mười cái tủ chứa)” mục đích ghi thêm là xác định lại chính xác số lượng tủ chứa còn các nội dung khác thì thống nhất là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì tại biên bản bàn giao tủ kem ngày 03/6/2021 đối với tủ chứa (tức là tủ VH-8699HY) ông T xác nhận là thực tế chỉ nhận có 10 cái tủ chứa ngoài ra đối với các loại tài sản khác còn lại trong văn bản ông T không có ghi thêm thể hiện sự thống nhất đã nhận trong bản đối chiếu, nếu như ông T đồng ý đã nhận với các loại tài sản khác tại sao Công ty TNHH Đ không yêu cầu ông T ghi thêm vào biên bản, do đó lời trình bày trên của nguyên đơn không được chấp nhận, nên chỉ có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông T trả cho Công ty TNHH Đ cái tủ chứa (tức là tủ VH-8699HY) mà nguyên đơn yêu cầu (do nguyên đơn cho rằng ngày 26/11/2022 Công ty có thu hồi 01 cái tủ chứa của ông T), do ông Lê Văn T vắng mặt tại địa phương cố tình trốn tránh nên tài sản không thu hồi được, do đó căn cứ vào biên bản định giá ngày 15/8/2024 buộc ông Lê Văn T hoàn trả giá trị còn lại cho nguyên đơn 09 cái tủ chứa đồng loại VH-8699HY, hiệu SANAKY – kích thước 860L, mua năm 2020, giá trị khi mua 11.189.500 đồng/cái x 20% (cái) giá trị còn lại x 9 cái = 20.141.100 đồng. Còn việc nguyên đơn yêu cầu ông Lê Văn T trả lại 31 cái tủ loại VH- 3899K, hiệu SANAKY – kích thước 1m và 34 cái tủ loại VH- 4899K, hiệu SANAKY – kích thước 1,2m là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu ông Lê Văn T trả cho Công ty TNHH Đ số tiền mua tủ kem trả góp còn thiếu lại là 32.720.000 đồng, Công ty TNHH Đ có chứng minh được tại biên bản xác nhận công nợ ngày 07/6/2021 ông Lê Văn T xác nhận có mua 100 cái tủ VH3899K và còn nợ lại là 92.880.000 đồng và sau đó ông T có trả thêm 60.160.000 đồng, nên hiện nay ông T còn nợ lại là 32.720.000 đồng Công ty TNHH Đ yêu cầu ông Lê Văn T trả số tiền trên là có cơ sở chấp nhận.

- Ngoài ra Công ty TNHH Đ cho rằng ông T có nhập kem của Công ty nhiều lần về để bán lại đến ngày 22/10/2022 thì ông T ngưng không nhập kem của Công ty nữa và còn nợ số tiền nhập kem là 8.902.000 đồng và hai bên thống nhất trừ tiền thưởng doanh số mà ông T được nhận là 5.031.000 đồng vào tiền nợ kem, do đó Công ty TNHH Đ yêu cầu ông Lê Văn T trả số tiền mua kem còn nợ là 3.871.000 đồng. Tuy nhiên yêu cầu trên nguyên đơn không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình cụ thể là không có cung cấp cho Tòa án các hợp đồng như: hợp đồng đại lý, biên bản bàn giao kem, bản đối chiếu công nợ..... nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu ông Lê Văn T trả cho Công ty TNHH Đ số tiền mua kem còn nợ là 3.871.000 đồng.

Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ.

Về chi phí thẩm định giá và án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là không phù hợp, Bởi vì theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05

tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có hướng dẫn: “ 2. Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:

a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan” Tòa án đã dùng mọi biện pháp để xác minh nơi cư trú của ông T, nhưng có thông tin về nơi cư trú của ông T, nên việc ông T không có mặt tại địa phương và cũng không cung cấp địa chỉ mới cho nguyên đơn và địa phương xem như ông T cố tình giấu địa chỉ, còn việc xác minh thu thập tra cứu thông tin số điện thoại không phải là chứng cứ để xem xét là ông T có nhận, hay không nhận hàng tài sản hàng hoá để làm căn cứ giải quyết vụ án, nên được Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 166; 167, 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Đ.

1. Tuyên xử: Buộc ông Lê Văn T phải trả cho Công ty TNHH Đ tổng số tiền 52.861.100 đồng (Năm mươi hai triệu tám trăm sáu mươi một nghìn một trăm đồng).

Trong đó: + Giá trị 09 cái tủ chứa đông loại VH-8699HY, hiệu SANAKY – kích thước 860L = 20.141.100 đồng.

+ Tiền mua 100 cái tủ loại VH3899K trả góp còn thiếu là 32.720.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Đ đòi ông Lê Văn T trả lại 31 cái tủ loại VH- 3899K, hiệu SANAKY – kích thước 1m và 34 cái tủ loại VH- 4899K, hiệu SANAKY – kích thước 1,2m tương đương giá trị 91.026.786 đồng (Chín mươi một triệu không trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng) và đòi ông Lê Văn T trả lại số tiền mua kem còn nợ là 3.871.000 đồng (Ba triệu tám trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi

hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. *Về chi phí định giá*: là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), ông Lê Văn T chịu 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) chi phí thẩm định giá, Công ty TNHH Đ chịu 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) chi phí thẩm định giá, do Công ty TNHH Đ đã tạm ứng chi phí thẩm định giá trước 200.000 đồng, nên sau khi Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh thu số tiền từ ông T giao lại cho Công ty TNHH Đ.

3. *Về án phí*: ông Lê Văn T phải chịu 2.643.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Công ty Đ phải chịu 4.744.500 đồng (*Bốn triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.914.000 đồng (Ba triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0015503, ngày 09/6/2023, do căn trừ còn thiếu nên Công ty TNHH Đ còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 830.500 đồng (*T2 trăm ba chục nghìn năm trăm đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

4. Án xử công khai, báo cho bên nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TV;
- VKSND. TPTV;
- Chi cục THADSTPTV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (...)

Huỳnh Kim Triều

